

Số: 1031/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 30 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Di dời hệ thống mạng viễn thông của Viettel Ninh Thuận phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thi công đường bộ cao tốc Bắc - Nam cung đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo đoạn qua địa bàn huyện Ninh Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 59/2017/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 1981/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Di dời hệ thống mạng viễn thông của Viettel Ninh Thuận phục vụ công tác GPMB thi công đường bộ cao tốc Bắc - Nam cung đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo đoạn qua địa bàn huyện Ninh Sơn;

Căn cứ Văn bản số 1655/UBND-KTTH ngày 05/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc lập hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và dự toán di dời công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ giải phóng mặt bằng thi công đường bộ cao tốc Bắc Nam;



Căn cứ Văn bản số 915/BQL-ĐHDA3 ngày 20/5/2020 của Ban Quản lý dự án 85 về việc di dời công trình hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi bảo vệ kết cấu đường bộ phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ cao tốc đoạn Cam Lâm – Vĩnh Hải, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn tại Tờ trình số 74/TTr-UBND ngày 04/6/2020 và đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1936/TTr-SXD ngày 24/6/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình với những nội dung chính như sau:

1. Điều chỉnh quy mô đầu tư xây dựng công trình:

1.1. Quy mô đầu tư xây dựng công trình được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tại Quyết định số 1981/QĐ-UBND ngày 11/12/2019:

Di dời tuyến cột bê tông và mạng cáp tại điểm giao cắt với Quốc lộ 27 thuộc địa phận xã Nhơn Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận với quy mô bao gồm:

a) Thu hồi cột bê tông sau đó trồng lại, trồng mới bổ sung:

- Tổng chiều dài tuyến cột thu hồi	: 12.280 m;
- Thu hồi cột bê tông đơn 7m	: 20 cột;
- Cột bê tông đơn 7m trồng lại	: 34 cột;
- Cột bê tông đôi 7m trồng lại	: 13 cột;
- Bổ sung cột bê tông mới 7m	: 40 cột;
- Đổ Block cột đơn	: 34 Block;
- Đổ Block cột đôi	: 13 Block;
- Lắp đặt sắt nối V80x80x08 - 2,45m	: 8 thanh;
- Thu hồi bộ treo cáp (cả đế ốp và đai/khóa đai inox)	: 50 bộ;
- Thu hồi bộ néo cáp (cả đế ốp và đai/khóa đai inox)	: 50 bộ;
- Bổ sung bộ treo cáp (cả đế ốp và đai/khóa đai inox)	: 3 bộ;
- Bổ sung bộ néo cáp (cả đế ốp và đai/khóa đai inox)	: 93 bộ.

b) Thu hồi tuyến cáp quang và kéo lại:

- Tổng chiều dài tuyến cáp thu hồi	: 12.280 m;
- Thu hồi cáp quang Adss 24FO	: 4.020 m;
- Thu hồi cáp quang 8FO	: 1.120 m;
- Kéo lại cáp quang Adss 24FO	: 6.240 m;
- Kéo lại cáp quang 8FO	: 1.270 m;
- Bổ sung cáp quang Adss 24FO	: 3.420 m;
- Bổ sung cáp quang 8FO	: 550 m;
- Bổ sung cáp quang 4FO	: 2.000 m;

- Bổ sung măng sông 24FO	:	10	bộ;
- Tháo/ lắp lại hộp cáp	:	4	bộ;
- Hệ thống tiếp đất cáp/hộp cáp	:	24	hệ thống;
- Giá dự phòng cáp quang C1	:	8	bộ;

c) Tuyến công bể xây mới:

- Tổng chiều dài tuyến công bể di dời/xây mới	:	750	m;
- Tuyến công 2 ống sắt F113,5mm qua đường	:	40	m;
- Tuyến công 2 ống sắt F113,5mm qua hầm	:	50	m;
- Tuyến công 2 ống PVC F110mm	:	60	m;
- Ống PVC F110 nong một đầu	:	152	m;
- Ống sắt F113,5mm	:	180	m;
- Xây mới bể 2 đan bê tông vuông hè 1 tầng ống nắp 0,5x1,2m	:	4	m;
- Nắp đan (nắp hè 0,5x1,2m)	:	4	nắp;
- Colie kẹp ống sắt lên thành hầm kỹ thuật	:	25	bộ;
- Ống cong R500 lên cáp	:	4	bộ.

d) Đối với thiết bị đầu cuối: Di dời nguyên trạng và không thực hiện thay mới cùng với các vật tư phụ kiện tương ứng kèm theo.

1.2. Quy mô đầu tư xây dựng công trình sau điều chỉnh:

Thay đổi, bổ sung quy mô đầu tư xây dựng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tại Quyết định số 1981/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

Di dời tuyến cột bê tông và mạng cáp tại điểm giao cắt với Quốc lộ 27 thuộc địa phận xã Nhơn Sơn, Huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận với quy mô bao gồm sau:

a) Cột bê tông thu hồi trồng lại, trồng mới bổ sung:

Thu hồi cột bê tông	:	21	cột
Cột bê tông đơn 7m mới	:	11	cột
Cột bê tông đôi 7m đôi	:	12	cột
Cột bê tông ly tâm 10,5m đơn	:	7	cột
Đổ Block cột đơn	:	11	Block
Đổ Block cột đôi	:	12	Block
Đổ Block cột ly tâm 10,5m	:	7	Block
Lắp đặt sắt nối V 100 x 100 x 10 - 2,45m	:	6	thanh
Bổ sung bộ néo cáp (cả đế ốp và đai/khóa đai inox)	:	85	Bộ
Bổ sung bộ treo cáp (cả đế ốp và đai/khóa đai inox)	:	18	Bộ
Bổ sung bu lông và kẹp cáp	:	27	Bộ

b) Tuyến cáp quang thu hồi và kéo lại:

Thu hồi cáp quang 24 FO	:	3.340	M
Thu hồi cáp quang 8 FO	:	500	M
Bổ sung cáp quang treo Adss 24 FO	:	2.830	M
Bổ sung cáp quang treo 24 FO	:	1.610	M
Bổ sung cáp quang 8 FO	:	850	M
Bổ sung cáp quang 4 FO (thuê bao)	:	2.000	M
Bổ sung măng sông 24 FO	:	16	Bộ
Tháo/ lắp lại hộp cáp	:	4	Bộ
Hệ thống tiếp đất cáp/hộp cáp	:	10	H. Thống
Giá dự phòng cáp quang C1	:	13	Bộ

c) Tuyến công bể xây mới:

Tuyến công 2 ống sắt F113,5mm chôn qua cao tốc	:	60	M
Ống PVC F110 nong một đầu	:	56	M
Ống sắt F113,5mm	:	120	M
Xây mới bể 1 đan bê tông vuông hè	:	6	BỂ
Xây mới bể 2 đan bê tông vuông hè 1 tầng ống (HTT = 1,8m)	:	2	BỂ
Nắp đan cho bể xây mới	:	10	Nắp
Ống cong nhựa PVC R500 lên cáp	:	14	Bộ

d) Đối với thiết bị đầu cuối:

- Di dời nguyên trạng và không thực hiện thay mới.
- Cùng với các vật tư phụ kiện tương ứng kèm theo.

2. Điều chỉnh tổng mức đầu tư xây dựng công trình:

a) Tổng mức đầu tư công trình được phê duyệt tại Quyết định số 1981/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: **1.019.255.129 đồng**, trong đó:

Chi phí xây dựng	841.277.697 đồng
Chi phí quản lý dự án	16.905.093 đồng
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	85.667.787 đồng
Chi phí khác	26.868.594 đồng
Chi phí dự phòng	48.535.959 đồng

b) Tổng mức đầu tư công trình sau điều chỉnh: **1.059.882.235 đồng**, trong đó:

Chi phí xây dựng	878.408.791 đồng
Chi phí quản lý dự án	22.064.032 đồng
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	91.006.808 đồng
Chi phí khác	17.932.022 đồng
Chi phí dự phòng	50.470.583 đồng

* Lý do điều chỉnh: Việc điều chỉnh một số nội dung Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Di dời hệ thống mạng viễn thông của Viettel

Ninh Thuận phục vụ công tác GPMB thi công đường bộ cao tốc Bắc - Nam cung đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo qua địa bàn huyện Ninh Sơn là phù hợp với các nội dung theo Văn bản số 915/BQL-ĐHDA3 ngày 20/5/2020 của Ban Quản lý dự án 85 và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến chấp thuận tại Văn bản số 1655/UBND-KTTH ngày 05/5/2020.

(Kèm theo bảng tổng hợp dự toán công trình do Sở Xây dựng thẩm định, lập tại Văn bản số 1935/SXD-QLHĐXD&HTKT ngày 24/6/2020).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Chủ đầu tư (Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng nội dung được duyệt tại Điều 1 của Quyết định này và các quy định hiện hành có liên quan về quản lý đầu tư xây dựng công trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế khoản 4, khoản 9 Điều 1 Quyết định số 1981/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 1981/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn, Giám đốc Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Ninh Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và PCT Trần Quốc Nam;
- Chủ đầu tư (03 bản);
- VPUB: LĐ, KTTH, BTCĐNC;
- Lưu: VT. NQH

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

Trần Quốc Nam

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH

Công trình: Di dời hệ thống mạng viễn thông của Viettel Ninh Thuận phục vụ công tác GPMB thi công đường bộ cao tốc Bắc - Nam cung đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo đoạn qua địa bàn huyện Ninh Sơn

(Kèm theo văn bản số 193/SXD-QLHĐXD&HTKT ngày 24/6/2020 của Sở Xây dựng)

Đơn vị tính: đồng



STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Đã phê duyệt theo Quyết định 1981/QĐ-UBND ngày 11/12/2019	Giá trị sau khi điều chỉnh	Chênh lệch Tăng Giảm (-)
1	Chi phí xây dựng trước thuế	G	G1	764.797.906	798.553.446	33.755.540
	Chi phí di dời	G1		764.797.906	798.553.446	33.755.540
2	Thuế GTGT	GTGT	10%*G	76.479.791	79.855.345	3.375.554
I	Chi phí xây dựng sau thuế	G_{xd}	G+GTGT	841.277.697	878.408.791	37.131.094
II	Chi phí quản lý dự án	G_{qlđt}	2,763%*G	16.905.093	22.064.032	5.158.939
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	G_{tv}	TV1 +...+ TV6	85.667.786	91.006.808	5.339.022
1	Chi phí khảo sát	TV1	bảng tính	9.328.000	11.384.322	2.056.322
2	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	TV2	5,8%*G*1,1	48.794.106	50.947.710	2.153.604
3	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, phân thiết kế	TV3	0,197%*G*1,1*1,2	2.000.000	2.076.558	76.558
4	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, phân dự toán	TV4	0,191%*G*1,1*1,2	2.000.000	2.013.313	13.313
5	Chi phí lập HSYC và PTĐG HSDX TCXL	TV5	0,388%*G*1,1*60%	1.958.494	2.044.936	86.442
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng	TV6	2,566%*G*1,1	21.587.186	22.539.970	952.784

IV	Chi phí khác	G_k	K1 +...+ K5	26.868.594	17.932.022	-8.936.572
1	Phí thẩm định BC KT KT	K1	0,019%*TMĐT	191.900	191.900	0
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	K2	0,57%*TMĐT*50%	4.797.500	2.878.500	-1.919.000
3	Phí bảo hiểm công trình	K3	0,25%*G*1,1	2.103.194	2.196.022	92.828
4	Chi phí thẩm định HSYC và KQLCNT	K4	Tối thiểu	2.000.000	2.000.000	0
5	Chi phí kiểm toán	K5	0,96*TMĐT*1,1	17.776.000	10.665.600	-7.110.400
V	Chi phí dự phòng	G_{dp}	Gdp1	48.535.959	50.470.583	1.934.624
6.1	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	Gdp1	5%*(G _{xd} +G _{qlđt} +G _{tv} +G _k)	48.535.959	50.470.583	1.934.624
	TỔNG CỘNG			1.019.255.129	1.059.882.235	40.627.107

Bảng chữ: Một tỷ, không trăm năm mươi chín triệu, tám trăm tám mươi hai ngàn, hai trăm ba mươi lăm đồng./.

Người thẩm định



Đào Thị Thanh Huyền